TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30/11/2023
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hải Anh;

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Trần Thị Đàm;

- Bà Lại Thị Nguyễn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Quyên– Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023, về việc "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐ-ST ngày 23 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thanh H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn Khuôn Gi, xã Tân H, huyện Yên B, tỉnh Yên Bái

(Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn Khuôn Gi, xã Tân H, huyện Yên B, tỉnh Yên Bái

Hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc nhưng không rõ địa chỉ

(Vắng mặt, không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 9 năm 2023 và bản tự khai, nguyên đơn bà Trần Thanh H trình bày:

Bà Trần Thanh H và ông Nguyễn Công H kết hôn ngày 22/7/2002, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Mông S, huyện Yên B, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Năm 2015 ông H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, thời gian đầu ông H có liên lạc về gia đình, nhưng sau đó

thưa dần, tình cảm vợ chồng trở nên xa cách, đến nay không còn liên lạc nữa. Hơn nữa ông H cũng không cho bà H biết địa chỉ của ông H ở đâu. Đến nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà Trần Thanh H và ông Nguyễn Công H có 02 con chung là cháu Nguyễn Phi H, sinh ngày 13/02/2003 và cháu Nguyễn Thảo L, sinh ngày 28/9/2009. Cháu H đã trưởng thành bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung; cháu L chưa trưởng thành bà H đề nghị được trực tiếp nuôi, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thanh H từ chối hòa giải, xin được giải quyết vắng mặt tại tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thanh H chỉ cung cấp được thông tin ông H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, không cung cấp được địa chỉ cụ thể của ông Nguyễn Công H, bà đề nghị Tòa án xác định địa chỉ của ông H; Bị đơn ông Nguyễn Công H vắng mặt.

Do bố, mẹ ông H đã mất nên Tòa án đã đề nghị anh trai ruột của ông H là ông Nguyễn Văn Ch (trú tại: Thôn Ngòi V, xã Tân H, huyện Yên B, tỉnh Yên Bái) cung cấp địa chỉ của ông H, ông Ch trình bày với nội dung: Hiện nay ông H đang ở Hàn Quốc, vẫn liên lạc với gia đình nhưng không cung cấp địa chỉ cho gia đình, ông Ch không biết địa chỉ cụ thể hiện nay của ông H.

Tòa án đã thu thập chứng cứ về địa chỉ hiện nay của ông H thông qua Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Yên Bái, nhưng chỉ có thông tin về việc ông H xuất cảnh đến Busan, Hàn Quốc ngày 13/11/2015, chưa có thông tin nhập cảnh.

Tòa án tiến hành thông báo công khai thông tin vụ án trên các phương tiện thông tin đại chúng và đề nghị ông H đến Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái để giải quyết vụ án ly hôn trong ba số liên tiếp trên báo, đài phát thanh trung ương, trên cổng thông tin của Tòa án nhưng đến nay ông H vẫn không có mặt tại Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái hoặc gửi giấy tờ, tài liệu, bản khai để giải quyết việc ly hôn với bà H theo yêu cầu của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, các thành viên khác trong Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình chuẩn bị xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 35, Điều 147, Điều 180, Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thanh H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh H được ly hôn ông Nguyễn Công H;

- Về con chung: Giao cho bà Trần Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thảo L, sinh ngày 28/9/2009, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Người

không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí và chi phí tố tụng: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Công H là công dân Việt Nam đang ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp để xác định địa chỉ của ông Nguyễn Công H: Gửi Công văn hỏi Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, công an tỉnh Yên Bái; thông qua thân nhân của ông H là ông Nguyễn Văn Ch thì được biết là hiện nay ông H vẫn ở Hàn Quốc, vẫn liên hệ với người thân, nhưng không cung cấp địa chỉ cho gia đình. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn giấu địa chỉ Tòa án giải quyết theo thủ tục chung; Bà H có đơn từ chối hòa giải, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được; căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu của bà Trần Thanh H:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh H có đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Công H ngày 22/7/2002, trên cơ sở tự nguyện là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, năm 2015 ông H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc đến nay chưa về, vợ chồng liên lạc thời gian đầu sau đó không còn liên lạc với nhau nữa, tình cảm vợ chồng ngày càng trở nên xa cách, mâu thuẫn kéo dài, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của bà H và ông H đã trầm trọng, kéo dài, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà Trần Thanh H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Công H là phù hợp và có cơ sở nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Bà Trần Thanh H và ông Nguyễn Công H có 02 con chung là cháu Nguyễn Phi H, sinh ngày 13/02/2003 và cháu Nguyễn Thảo L, sinh ngày 28/9/2009. Xét thấy, Cháu H đã thành niên, trưởng thành, nên không xem xét về việc nuôi con; cháu L, chưa thành niên được bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi ông H đi lao động ở nước ngoài đến nay, cháu L có nguyện vọng được ở với bà H. Do vậy, cần giao con chung là cháu L cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà H không yêu cầu nên ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về lệ phí tố tụng: Bà Trần Thanh H phải chịu tiền lệ phí tố tụng về việc yêu cầu Tòa án thông tin vụ án trên các phương tiện thông tin đại chúng (được xác định theo hóa đơn, chứng từ của Đài tiếng nói Việt Nam và Báo công lý).

[4] Về án phí: Bà Trần Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 35, Điều 147, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thanh H được ly hôn ông Nguyễn Công H .

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thảo L, sinh ngày 28/9/2009 cho bà Trần Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Ông Nguyễn Công H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về lệ phí tố tụng: Bà Trần Thanh H phải chịu 6.000.000 đồng tiền lệ phí đăng thông tin trên Báo Công lý, Đài Tiếng nói Việt Nam (Xác nhận bà Hđã nộp đủ).

4. Về án phí: Bà Trần Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0002452 ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái (Bà Hđã nộp đủ án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Bà H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ; ông H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận**:*
- Vụ GĐKT3-TAND Tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- UBND xã Mông S, huyên Yên B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

đã ký

Hoàng Hải Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Hải Anh

Trần Thị Đàm **Lại Thị Nguyễn.**